

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 25 - 8 - 2020.
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mai Văn Lợi**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Quang Chung**.

2. Bà **Hoàng Thị Bích Ngọc**.

Thư ký phiên tòa: Ông **Trần Văn Thượng** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú tham gia phiên tòa:
Bà **Lại Thị Hiền** – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 200/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2020 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2020/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị H** – sinh năm: 1985.

Nơi ĐKKHKT: Số nhà 125/A, Tổ 1, Ấp NL 1, xã PT, huyện TP, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở: Số nhà 80, Tổ 3, Ấp NL 2, xã PT, huyện TP, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Anh **Trần Bao C** – sinh năm: 1978.

Nơi ĐKKHKT: Số nhà 125/A, Tổ 1, Ấp NL 1, xã PT, huyện TP, tỉnh Đồng Nai.

(Chị H và anh C có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày:

Chị và anh **Trần Bao C** tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2003 và được UBND xã PT cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 28/11/2003. Vợ chồng sống chung hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh C không tin tưởng, nghi ngờ chị có quan hệ tình cảm với người khác. Do đó trong cuộc sống chung anh C thường xuyên chửi bới, có mấy lần

đánh đập chị. Nhưng vì con cái nên chị đã chịu đựng cho đến cuối năm 2019, chị đã làm đơn khởi kiện ly hôn đến Tòa án nhân dân huyện Tân Phú. Tại Tòa án, anh C cam kết sửa chữa sai lầm nên chị đã tự nguyện rút đơn khởi kiện và Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án. Tuy nhiên từ khi rút đơn đến nay, anh C vẫn thường xuyên nhậu nhẹt, chửi bới chị. Đến ngày 22/5/2020, anh C còn dẫn theo người phụ nữ khác về nhà sinh sống trong thời gian 01 tuần. Do đó, từ cuối tháng 5/2020 chị bỏ về nhà bố mẹ để sống và vợ chồng sống ly thân nhau cho đến nay. Nay tình cảm không còn nên chị yêu cầu ly hôn với anh Trần Bao C.

Về con chung: Chị và anh C có 03 con chung là:

- Trần Thị Ngọc H1 – sinh ngày: 23/3/2005.
- Trần Thiện K – sinh ngày: 08/7/2007.
- Trần Ngọc Trà M – sinh ngày: 03/11/2010.

Từ khi chị và anh C ly thân nhau, các con chung sống cùng chị.

Khi ly hôn, chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị và anh C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bị đơn anh Trần Bao C trình bày:

Anh và chị Phạm Thị H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2003 và được UBND xã PT cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 28/11/2003. Vợ chồng sống chung hạnh phúc đến giữa năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị H đi làm tiếp viên quán nhậu và anh không đồng ý. Do đó trong cuộc sống chung vợ chồng có cãi vã nhau. Cuối năm 2019, chị H đã làm đơn khởi kiện ly hôn anh tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú. Tại Tòa án, hai vợ chồng tự thỏa thuận trở về sống đoàn tụ với nhau nên chị H đã rút đơn khởi kiện và Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án. Tuy nhiên sau đó chị H vẫn tiếp tục đi làm công việc tiếp viên quán nhậu mặc dù bị anh phản đối. Đến cuối tháng 5/2020, chị H bỏ về nhà bố mẹ để sống và vợ chồng sống ly thân nhau cho đến nay. Nay chị H yêu cầu ly hôn, do anh vẫn còn thương yêu vợ con và muốn vợ chồng cùng nuôi dạy con cái nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị H có 03 con chung là:

- Trần Thị Ngọc H1 – sinh ngày: 23/3/2005.
- Trần Thiện K – sinh ngày: 08/7/2007.
- Trần Ngọc Trà M – sinh ngày: 03/11/2010.

Từ khi anh và chị H ly thân nhau, con chung sống cùng chị H.

Tại bản tự khai ngày 09/6/2020, biên bản lấy lời khai đương sự ngày 09/6/2020, anh có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 07/8/2020, anh đồng ý giao 03 con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng do các con có nguyện vọng trực tiếp sống cùng với mẹ. Tạm thời anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh và chị H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị H đã cung cấp những tài liệu, chứng cứ sau: CMND của chị H (bản sao); CMND của anh C (photo); Sổ hộ khẩu của chị H và anh C (bản sao); Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); Giấy khai sinh của con chung (bản sao); Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo (bản sao); Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án (bản chính); Bản tự khai ngày 28/5/2020 của chị Phạm Thị H. Anh C đã cung cấp những tài liệu, chứng cứ sau: Bản tự khai ngày 09/6/2020 của anh Trần Bao C. Để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ sau: Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 09/6/2020 đối với anh C; Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 09/6/2020 đối với chị H; Đơn thể hiện nguyện vọng của con chung của cháu Trần Thiện K; Đơn thể hiện nguyện vọng của con chung của cháu Trần Ngọc Trà M; Đơn thể hiện nguyện vọng của con chung của cháu Trần Thị Ngọc H1; Biên bản xác minh đối với ông Trần Thiên M1; Biên bản xác minh đối với bà Ngô Thị H2; Biên bản xác minh đối với ông Nguyễn Ngọc Q; Biên bản xác minh đối với ông Nguyễn Thành H3.

Các tài liệu, chứng cứ này Tòa án đã ra thông báo cho các bên đương sự biết đồng thời tiến hành mở phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Do các đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xét vợ chồng chị H và anh C đã xảy ra mâu thuẫn, không hòa giải đoàn tụ được. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị H, cho chị Phạm Thị H được ly hôn với anh Trần Bao C.

+ Về con chung: Đề nghị giao 03 con chung là Trần Thị Ngọc H1 – sinh ngày: 23/3/2005, Trần Thiện K – sinh ngày: 08/7/2007, Trần Ngọc Trà M – sinh ngày: 03/11/2010 cho chị Phạm Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời anh C không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu.

+ Về tài sản chung: Chị H và anh C không yêu cầu giải quyết. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về nợ chung: Chị H và anh C kê khai không có, không yêu cầu giải quyết. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về án phí: Đề nghị miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn cho chị Phạm Thị H do chị H thuộc diện Hộ cận nghèo theo quy định của Chính phủ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng: Nguyên đơn chị Phạm Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết việc nuôi dưỡng con chung đối với bị đơn anh Trần Bao C. Anh C đang cư trú tại huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ tranh chấp trong vụ kiện này là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

Chị Phạm Thị H và anh Trần Bao C là các đương sự trong vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia phiên tòa nhưng chị H và anh C đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt chị H và anh C.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh C tự nguyện sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã PT vào ngày 28/11/2003. Như vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo quy định tại Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Nay chị H yêu cầu ly hôn với anh C thì Tòa án áp dụng các Điều 85, 89, 91 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết.

Quá trình chung sống vợ chồng anh chị sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Chị H yêu cầu ly hôn do anh C hay ghen tuông, đánh đập, chửi bới vợ con và anh C có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Anh C không đồng ý ly hôn vì anh vẫn còn thương yêu vợ, con. Tuy nhiên anh C cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong vấn đề việc làm của chị H. Chị H và anh C đều thừa nhận trong cuộc sống chung xảy ra cãi vã và đã sống ly thân nhau từ cuối tháng 5/2020. Đồng thời qua xác minh tại địa phương thể hiện đời sống chung của vợ chồng anh chị không hạnh phúc và đã sống ly thân nhau (bút lục 35 – 37). Ngoài ra, vào cuối năm 2019 chị H đã làm đơn khởi kiện ly hôn với anh C tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú. Đến ngày 06/02/2020, chị H đã tự nguyện rút đơn khởi kiện và Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án (bút lục 10A).

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã phát sinh kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy để chị H có điều kiện ổn định cuộc sống của mình nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện chị H là cho chị được ly hôn với anh C là đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

[3]. Về con chung: Chị H và anh C có 03 con chung là:

- Trần Thị Ngọc H1 – sinh ngày: 23/3/2005.

- Trần Thiện K – sinh ngày: 08/7/2007.

- Trần Ngọc Trà M – sinh ngày: 03/11/2010.

Chị H yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung. Anh C cũng đồng ý giao các con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Xét thấy, các con chung đều có nguyện vọng được trực tiếp sống cùng chị H (bút lục 30 – 32). Bản thân chị H có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Hơn nữa, từ khi chị H và anh C sống ly thân đến nay, các con chung sống cùng chị H. Vì vậy để tránh xáo trộn cuộc

sống của con chung nên tiếp tục giao 03 con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời anh C không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu.

[4]. Về tài sản chung: Chị H và anh C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về nợ chung: Chị H và anh C kê khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí: Chị Phạm Thị H thuộc diện Hộ cận nghèo theo quy định của Chính phủ. Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì chị H được miễn nộp tiền án phí.

[7]. Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, do đó được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 235 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Các Điều 11, 85, 89, 91 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;
- Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị H.
Cho chị Phạm Thị H được ly hôn anh Trần Bao C.

2. Về con chung: Chị H và anh C có 03 con chung là:

- Trần Thị Ngọc H1 – sinh ngày: 23/3/2005.
- Trần Thiện K – sinh ngày: 08/7/2007.
- Trần Ngọc Trà M – sinh ngày: 03/11/2010.

Giao cả 03 con chung cho chị Phạm Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời anh Trần Bao C không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh C có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được gây trở ngại. Vì lợi ích của con chung các bên đương sự được quyền xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Các đương sự kê khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn cho chị Phạm Thị H do chị H thuộc diện Hộ cận nghèo theo quy định của Chính phủ.

Chị H và anh C có quyền có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

6. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú;
- UBND xã PT: Để ghi vào sổ hộ tịch (Giấy CNKH số 110, cấp ngày 28/11/2003);
- Các đương sự;
- Lưu HS – LT.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Văn Lợi